

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 97/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020 về việc: “Ly hôn” giữa:

- Nguyên đơn: Ông Lê Quang M – Sinh năm: 1991

Địa chỉ: đường Lê Văn Lương, Tổ 6, Ấp 3, xã Nhơn Đức, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Hồ Thị Tuyết M – Sinh năm: 1992

Địa chỉ: đường Lê Văn Lương, Tổ 6, Ấp 3, xã Nhơn Đức, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84, 86, 107, 110, 116, 117, 118, 119 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Lê Quang M và bà Hồ Thị Tuyết M.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Quang M và bà Hồ Thị Tuyết M thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 104/2014, quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân xã Nhơn Đức, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/12/2014).

- Về con chung: Có 01 con chung là Lê Quang H – Sinh ngày 24/4/2015.

Hai bên thỏa thuận giao con chung là trẻ Lê Quang H cho bà Hồ Thị Tuyết M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Quang M và bà Hồ Thị Tuyết M thỏa thuận ông M sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng vào ngày 10 hàng tháng cho đến khi trẻ Hiếu đủ 18 tuổi, bắt đầu thực hiện từ tháng 5/2020.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, đến hạn cấp dưỡng và bà Hồ Thị Tuyết M có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Lê Quang M chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì ông Lê Quang M còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Bà Hồ Thị Tuyết M có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi ông Lê Quang M đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con khi cần thiết, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm (HGT) ly hôn ông Lê Quang M và bà Hồ Thị Tuyết M mỗi người phải nộp 75.000 (Bảy mươi lăm nghìn) đồng. Án phí về cấp dưỡng ông Lê Quang M phải nộp là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng. Tổng cộng là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do ông Lê Quang M tự nguyện nộp nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Lê Quang M đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0034957 ngày 03 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Lê Quang M đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án Dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
- UBND xã Nhơn Đức, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Thúy